

**BỘ GIÁO DỤC VÀ ĐÀO
TẠO**

Số: /2020/TT-BGDĐT
DỰ THẢO

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Hà Nội, ngày tháng năm 2020

THÔNG TƯ

QUY ĐỊNH MÃ SỐ, TIÊU CHUẨN CHỨC DANH NGHỀ NGHIỆP VÀ BỔ NHIỆM, XẾP LƯƠNG GIÁO VIÊN TRUNG HỌC PHỔ THÔNG CÔNG LẬP

Căn cứ Luật Giáo dục số 43/2019/QH14 của Quốc hội khóa 14;

Căn cứ Luật Viên chức ngày 15 tháng 11 năm 2010; Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Cán bộ, Công chức và Luật Viên chức ngày 15 tháng 11 năm 2019;

Căn cứ Nghị định số 69/2017/NĐ-CP ngày 25 tháng 5 năm 2017 của Chính phủ quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Bộ Giáo dục và Đào tạo;

Căn cứ Nghị định số 29/2012/NĐ-CP ngày 12 tháng 4 năm 2012 của Chính phủ quy định về tuyển dụng, sử dụng và quản lý viên chức; Nghị định số 161/2018/NĐ-CP ngày 29 tháng 11 năm 2018 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số quy định về tuyển dụng công chức, viên chức, nâng ngạch công chức, thăng hạng viên chức và thực hiện chế độ hợp đồng một số loại công việc trong cơ quan hành chính nhà nước, đơn vị sự nghiệp công lập;

Căn cứ Nghị định số 204/2004/NĐ-CP ngày 14 tháng 12 năm 2004 của Chính phủ về chế độ tiền lương đối với cán bộ, công chức, viên chức và lực lượng vũ trang; Nghị định số 17/2013/NĐ-CP ngày 19 tháng 12 năm 2013 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 204/2004/NĐ-CP ngày 14 tháng 12 năm 2004 của Chính phủ về chế độ tiền lương đối với cán bộ, công chức, viên chức và lực lượng vũ trang;

Xét đề nghị của Cục trưởng Cục Nhà giáo và Cán bộ quản lý giáo dục;

Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo ban hành Thông tư quy định mã số, tiêu chuẩn chức danh nghề nghiệp và bổ nhiệm, xếp lương giáo viên trung học phổ thông công lập.

Chương I

NHỮNG QUY ĐỊNH CHUNG

Điều 1. Phạm vi điều chỉnh và đối tượng áp dụng

1. Thông tư này quy định mã số, tiêu chuẩn chức danh nghề nghiệp và bổ nhiệm, xếp lương theo chức danh nghề nghiệp đối với giáo viên trung học phổ thông công lập.

2. Thông tư này áp dụng đối với cán bộ quản lý (hiệu trưởng, phó hiệu trưởng, giám đốc, phó giám đốc) và giáo viên (sau đây gọi chung là giáo viên) trong các trường trung học phổ thông, trường phổ thông có nhiều cấp học có cấp trung học phổ thông, trung tâm giáo dục thường xuyên, trung tâm giáo dục nghề nghiệp - giáo dục thường xuyên, trường chuyên biệt công lập thực hiện chương trình giáo dục cấp trung học phổ thông (sau đây gọi chung là trường trung học phổ thông công lập).

3. Các trường trung học phổ thông tư thục có thể vận dụng quy định tại Thông tư này để tuyển dụng, sử dụng và quản lý đội ngũ.

Điều 2. Mã số, hạng chức danh nghề nghiệp giáo viên trung học phổ thông

Chức danh nghề nghiệp giáo viên trung học phổ thông bao gồm:

1. Giáo viên trung học phổ thông hạng III – (Mã số do Bộ Nội vụ cấp);
2. Giáo viên trung học phổ thông hạng II – (Mã số do Bộ Nội vụ cấp);
3. Giáo viên trung học phổ thông hạng I – (Mã số do Bộ Nội vụ cấp).

Chương II

TIÊU CHUẨN CHỨC DANH NGHỀ NGHIỆP

Điều 3. Giáo viên trung học phổ thông hạng III - Mã số.....

1. Nhiệm vụ

- a) Xây dựng kế hoạch giáo dục của môn học được phân công và tham gia xây dựng kế hoạch giáo dục của tổ chuyên môn theo mục tiêu, chương trình giáo dục cấp trung học phổ thông;
- b) Dạy học và giáo dục theo chương trình, kế hoạch giáo dục;
- c) Sử dụng các phương pháp dạy học, giáo dục theo hướng phát huy năng lực, phẩm chất của học sinh, tích cực hóa hoạt động của học sinh;
- d) Thực hiện các hoạt động kiểm tra, đánh giá thường xuyên, định kỳ theo quy định;
- đ) Tổ chức các hoạt động tư vấn tâm lý, hướng nghiệp cho học sinh và cha mẹ học sinh của lớp được phân công;
- e) Phối hợp với các tổ chức, cá nhân có liên quan để thực hiện các hoạt động dạy học, giáo dục, tư vấn tâm lý, hướng nghiệp cho học sinh;
- g) Tham gia các hoạt động của tổ chuyên môn; tham gia nghiên cứu khoa học; tham gia tổ chức các hội thi (của giáo viên hoặc học sinh) từ cấp trường trở lên (nếu có);
- h) Hoàn thành các khóa đào tạo, chương trình bồi dưỡng theo quy định; tự học, tự bồi dưỡng nâng cao năng lực chuyên môn, nghiệp vụ;
- i) Thực hiện các nhiệm vụ khác do hiệu trưởng phân công.

2. Tiêu chuẩn về đạo đức nghề nghiệp

- a) Chấp hành các chủ trương, đường lối chính sách của Đảng, pháp luật của Nhà nước, các quy định của ngành và địa phương về giáo dục trung học phổ thông;
- b) Thường xuyên trau dồi đạo đức, nêu cao tinh thần trách nhiệm, giữ gìn phẩm chất, danh dự, uy tín của nhà giáo; gương mẫu trước học sinh;
- c) Thương yêu, đối xử công bằng và tôn trọng nhân cách của học sinh; bảo vệ các quyền và lợi ích chính đáng của học sinh; đoàn kết, giúp đỡ đồng nghiệp;
- d) Thực hiện nghiêm các quy định về đạo đức nhà giáo.

3. Tiêu chuẩn về trình độ đào tạo, bồi dưỡng

- a) Có bằng cử nhân thuộc ngành đào tạo giáo viên trở lên hoặc có bằng cử nhân chuyên ngành phù hợp trở lên và có chứng chỉ bồi dưỡng nghiệp vụ sư phạm đối với giáo viên trung học phổ thông;

b) Có trình độ ngoại ngữ tối thiểu từ bậc 2 theo quy định tại Thông tư số 01/2014/TT-BGDĐT ngày 24 tháng 01 năm 2014 của Bộ Giáo dục và Đào tạo ban hành khung năng lực ngoại ngữ 6 bậc dùng cho Việt Nam hoặc trình độ tương đương trở lên;

c) Có trình độ tin học đạt chuẩn kỹ năng sử dụng công nghệ thông tin cơ bản theo quy định tại Thông tư số 03/2014/TT-BTTTT ngày 11 tháng 3 năm 2014 của Bộ Thông tin và truyền thông quy định Chuẩn kỹ năng sử dụng công nghệ thông tin hoặc trình độ tương đương trở lên theo quy định của Bộ Giáo dục và Đào tạo;

d) Có chứng chỉ bồi dưỡng theo tiêu chuẩn chức danh nghề nghiệp giáo viên trung học phổ thông hạng III.

4. Tiêu chuẩn về năng lực chuyên môn, nghiệp vụ

a) Nắm được chủ trương, đường lối, chính sách, pháp luật của Đảng, Nhà nước, các quy định và yêu cầu của ngành, địa phương về giáo dục trung học phổ thông và triển khai thực hiện vào nhiệm vụ được giao;

b) Nắm vững kiến thức chuyên môn giảng dạy. Có khả năng xây dựng được kế hoạch dạy học và giáo dục theo hướng phát triển phẩm chất, năng lực học sinh;

c) Có khả năng áp dụng phương pháp tích cực thông qua môn học, qua hoạt động giáo dục trong nhà trường; tổ chức, hướng dẫn hoạt động học cho học sinh, tạo môi trường học tập thân thiện, khuyến khích học sinh tích cực tham gia vào các hoạt động học tập, rèn luyện thói quen và khả năng tự học của học sinh; phát huy tiềm năng, kiến thức, kỹ năng, đạo đức của học sinh;

d) Sử dụng được các phương pháp kiểm tra, đánh giá kết quả học tập và sự tiến bộ của học sinh;

đ) Vận dụng các sáng kiến kinh nghiệm, kết quả nghiên cứu khoa học sư phạm ứng dụng vào thực tế giảng dạy, giáo dục học sinh hoặc làm đồ dùng, thiết bị dạy học cấp trung học phổ thông;

e) Có khả năng hướng dẫn học sinh trung học phổ thông nghiên cứu khoa học kỹ thuật từ cấp trường trở lên;

g) Có năng lực tự học, tự bồi dưỡng.

Điều 4. Giáo viên trung học phổ thông hạng II - Mã số.....

1. Nhiệm vụ

Ngoài những nhiệm vụ của giáo viên trung học phổ thông hạng III, giáo viên trung học phổ thông hạng II còn phải thực hiện các nhiệm vụ sau:

a) Làm báo cáo viên hoặc dạy minh họa ở các lớp bồi dưỡng giáo viên từ cấp trường trở lên hoặc dạy thử nghiệm các mô hình, phương pháp, công nghệ mới; chủ trì các nội dung bồi dưỡng và sinh hoạt chuyên đề ở tổ chuyên môn hoặc tham gia xây dựng học liệu điện tử;

b) Tham gia hướng dẫn hoặc đánh giá các sản phẩm nghiên cứu khoa học và công nghệ từ cấp trường trở lên;

c) Tham gia bồi dưỡng học sinh năng khiếu hoặc phụ đạo học sinh yếu kém; hướng dẫn sinh viên thực tập sư phạm (nếu có);

d) Tham gia các hoạt động xã hội, phục vụ cộng đồng; thu hút sự tham gia của các tổ chức, cá nhân trong việc tổ chức các hoạt động dạy học, giáo dục học sinh;

đ) Tham gia đánh giá ngoài hoặc công tác kiểm tra chuyên môn, nghiệp vụ cho giáo viên từ cấp trường trở lên;

e) Tham gia ban giám khảo hội thi giáo viên trung học phổ thông dạy giỏi hoặc giáo viên trung học phổ thông chủ nhiệm giỏi cấp trường trở lên;

g) Tham gia ra đề và chấm thi học sinh giỏi trung học phổ thông từ cấp trường trở lên;

h) Tham gia hướng dẫn hoặc đánh giá các hội thi hoặc các sản phẩm nghiên cứu khoa học kỹ thuật của học sinh trung học phổ thông từ cấp trường trở lên;

2. Tiêu chuẩn về đạo đức nghề nghiệp

Ngoài các tiêu chuẩn về đạo đức nghề nghiệp của giáo viên trung học phổ thông hạng III, giáo viên trung học phổ thông hạng II phải luôn luôn gương mẫu trong thực hiện các quy định về đạo đức nhà giáo.

3. Tiêu chuẩn về trình độ đào tạo, bồi dưỡng

a) Có bằng cử nhân thuộc ngành đào tạo giáo viên trở lên hoặc có bằng cử nhân chuyên ngành phù hợp trở lên và có chứng chỉ bồi dưỡng nghiệp vụ sư phạm đối với giáo viên trung học phổ thông;

b) Có trình độ ngoại ngữ tối thiểu từ bậc 2 theo quy định tại Thông tư số 01/2014/TT0-BGDĐT ngày 24 tháng 01 năm 2014 của Bộ Giáo dục và Đào tạo ban hành khung năng lực ngoại ngữ 6 bậc dùng cho Việt Nam hoặc trình độ tương đương trở lên theo quy định hiện hành của Bộ Giáo dục và Đào tạo;

c) Có trình độ tin học đạt chuẩn kỹ năng sử dụng công nghệ thông tin cơ bản theo quy định tại Thông tư số 03/2014/TT-BTTTT ngày 11 tháng 3 năm 2014 của Bộ Thông tin và truyền thông quy định Chuẩn kỹ năng sử dụng công nghệ thông tin hoặc trình độ tương đương trở lên theo quy định hiện hành của Bộ Giáo dục và Đào tạo;

d) Có chứng chỉ bồi dưỡng theo tiêu chuẩn chức danh nghề nghiệp giáo viên trung học phổ thông hạng II.

4. Tiêu chuẩn về năng lực chuyên môn, nghiệp vụ

a) Nắm vững chủ trương, đường lối, chính sách, pháp luật của Đảng, Nhà nước, quy định và yêu cầu của ngành, địa phương về giáo dục trung học phổ thông, triển khai thực hiện có kết quả vào nhiệm vụ được giao;

b) Có khả năng điều chỉnh kế hoạch dạy học và giáo dục phù hợp với điều kiện thực tế của nhà trường và địa phương; cập nhật, vận dụng linh hoạt và hiệu quả các phương pháp dạy học giáo dục đáp ứng yêu cầu đổi mới, phù hợp với điều kiện thực tế;

c) Có khả năng nghiên cứu, cập nhật kịp thời yêu cầu đổi mới về kiến thức chuyên môn; vận dụng sáng tạo, phù hợp các hình thức, phương pháp và lựa chọn nội dung học tập, bồi dưỡng, nâng cao năng lực chuyên môn của bản thân;

d) Có khả năng đánh giá hoặc hướng dẫn đồng nghiệp nghiên cứu khoa học sư phạm ứng dụng; đánh giá sản phẩm nghiên cứu khoa học kỹ thuật của học sinh trung học phổ thông từ cấp trường trở lên;

đ) Được công nhận là chiến sĩ thi đua cấp cơ sở hoặc giáo viên dạy giỏi, giáo viên chủ nhiệm lớp giỏi cấp trường trở lên.

e) Có thời gian giữ chức danh nghề nghiệp giáo viên trung học phổ thông hạng III (bao gồm cả thời gian giữ ngạch giáo viên trung học nếu có) hoặc tương đương đủ từ đủ 06 (sáu) năm trở lên, không kể thời gian tập sự. Đối với trường hợp giữ chức danh tương đương thì phải có ít nhất 01 (một) năm giữ chức danh nghề nghiệp giáo viên trung học phổ thông hạng III.

Điều 5. Giáo viên trung học phổ thông hạng I - Mã số.....

1. Nhiệm vụ

Ngoài những nhiệm vụ của giáo viên trung học phổ thông hạng II, giáo viên trung học phổ thông hạng I phải thực hiện các nhiệm vụ sau:

- a) Tham gia biên soạn hoặc thẩm định hoặc lựa chọn sách giáo khoa, tài liệu giáo dục địa phương hoặc các tài liệu dạy học khác và tài liệu bồi dưỡng cho giáo viên;
- b) Làm báo cáo viên, chia sẻ kinh nghiệm hoặc dạy minh họa ở các lớp tập huấn, bồi dưỡng phát triển chuyên môn, nghiệp vụ giáo viên từ cấp tỉnh trở lên hoặc tham gia dạy học trên truyền hình;
- c) Chủ trì các nội dung bồi dưỡng, sinh hoạt chuyên đề từ cấp trường trở lên;
- d) Chủ trì, hướng dẫn đồng nghiệp triển khai các chủ trương, nội dung đổi mới của ngành;
- đ) Tham gia đánh giá ngoài hoặc công tác kiểm tra chuyên môn, nghiệp vụ cho giáo viên từ cấp tỉnh trở lên;
- e) Tham gia ban tổ chức hoặc ban giám khảo hoặc ban ra đề trong các hội thi của giáo viên từ cấp tỉnh trở lên;
- g) Tham gia hướng dẫn hoặc đánh giá các hội thi hoặc các sản phẩm nghiên cứu khoa học kỹ thuật của học sinh trung học phổ thông từ cấp tỉnh trở lên;
- h) Tham gia ra đề và chấm thi học sinh giỏi trung học phổ thông từ cấp tỉnh trở lên.

2. Tiêu chuẩn về đạo đức nghề nghiệp

Ngoài các tiêu chuẩn về đạo đức nghề nghiệp của giáo viên trung học phổ thông hạng II và hạng III, giáo viên trung học phổ thông hạng I phải là tấm gương mẫu mực về đạo đức nhà giáo và vận động, hỗ trợ đồng nghiệp thực hiện tốt các quy định về đạo đức nhà giáo.

3. Tiêu chuẩn về trình độ đào tạo, bồi dưỡng

- a) Có bằng thạc sĩ trở lên chuyên ngành đúng hoặc phù hợp với môn học giảng dạy;
- b) Có trình độ ngoại ngữ tối thiểu từ bậc 3 theo quy định tại Thông tư số 01/2014/TT0-BGDĐT ngày 24 tháng 01 năm 2014 của Bộ Giáo dục và Đào tạo ban hành khung năng lực ngoại ngữ 6 bậc dùng cho Việt Nam hoặc trình độ tương đương trở lên theo quy định hiện hành của Bộ Giáo dục và Đào tạo;
- c) Có trình độ tin học đạt chuẩn kỹ năng sử dụng công nghệ thông tin cơ bản theo quy định tại Thông tư số 03/2014/TT-BTTTT ngày 11 tháng 3 năm 2014 của Bộ Thông tin và truyền thông quy định Chuẩn kỹ năng sử dụng công nghệ thông tin hoặc trình độ tương đương trở lên theo quy định hiện hành của Bộ Giáo dục và Đào tạo;
- d) Có chứng chỉ bồi dưỡng theo tiêu chuẩn chức danh nghề nghiệp giáo viên trung học phổ thông hạng I.

4. Tiêu chuẩn về năng lực chuyên môn, nghiệp vụ

- a) Tích cực, chủ động thực hiện và tuyên truyền vận động, hướng dẫn đồng nghiệp thực hiện chủ trương, đường lối, chính sách, pháp luật của Đảng, Nhà nước, quy định và yêu cầu của ngành, địa phương về giáo dục trung học phổ thông vào các nhiệm vụ được giao;
- b) Thực hiện và có khả năng hướng dẫn, hỗ trợ đồng nghiệp trong xây dựng kế hoạch và giáo dục; vận dụng những phương pháp dạy học và giáo dục theo hướng phát triển phẩm chất, năng lực học sinh; triển khai hiệu quả hoạt động tư vấn và hỗ trợ học sinh trong hoạt động dạy học và giáo dục;
- c) Có khả năng đánh giá hoặc hướng dẫn đồng nghiệp nghiên cứu khoa học sư phạm ứng dụng; hướng dẫn, đánh giá sản phẩm nghiên cứu khoa học kỹ thuật của học sinh trung học phổ thông từ cấp tỉnh trở lên;
- d) Có khả năng hướng dẫn, hỗ trợ đồng nghiệp và chia sẻ kinh nghiệm về phát triển chuyên môn của bản thân nhằm đáp ứng yêu cầu đổi mới giáo dục;
- đ) Được công nhận là chiến sĩ thi đua cấp tỉnh hoặc giáo viên dạy giỏi hoặc giáo viên chủ nhiệm giỏi cấp tỉnh;
- e) Có thời gian giữ chức danh nghề nghiệp giáo viên trung học phổ thông hạng II (bao gồm cả thời gian giữ ngạch giáo viên trung học cao cấp nếu có) hoặc tương đương đủ từ đủ 06 (sáu) năm trở lên, không kể thời gian tập sự. Đối với trường hợp giữ chức danh tương đương thì phải có ít nhất 01 (một) năm giữ chức danh nghề nghiệp giáo viên trung học phổ thông hạng II.

Chương III

HƯỚNG DẪN BỔ NHIỆM VÀ XẾP LƯƠNG THEO CHỨC DANH NGHỀ NGHIỆP

Điều 6. Nguyên tắc bổ nhiệm và xếp lương theo chức danh nghề nghiệp đối với viên chức giáo viên trung học phổ thông

1. Việc bổ nhiệm vào chức danh nghề nghiệp đối với giáo viên trung học phổ thông quy định tại Thông tư này phải căn cứ vào vị trí việc làm đang đảm nhận, đạt tiêu chuẩn chức danh nghề nghiệp được quy định tại Điều 3, Điều 4, Điều 5 và quy định tại Điều 7 của Thông tư này.
2. Khi bổ nhiệm vào chức danh nghề nghiệp giáo viên trung học phổ thông không được kết hợp thăng hạng chức danh nghề nghiệp và nâng bậc lương.
3. Không căn cứ trình độ đào tạo để bổ nhiệm vào hạng chức danh nghề nghiệp cao hơn hạng chức danh nghề nghiệp đã trúng tuyển đối với giáo viên mới được tuyển dụng.

Điều 7. Các trường hợp bổ nhiệm vào chức danh nghề nghiệp giáo viên trung học phổ thông

1. Giáo viên đã được bổ nhiệm vào các hạng chức danh nghề nghiệp giáo viên trung học phổ thông theo quy định tại Thông tư liên tịch số 23/2015/TTLT-BGDĐT-BNV ngày 16/9/2015 của Bộ Giáo dục và đào tạo và Bộ Nội vụ quy định mã số, tiêu chuẩn chức danh nghề nghiệp giáo viên trung học phổ thông công lập (sau đây viết tắt là Thông tư liên tịch số 23/2015/TTLT-BGDĐT-BNV) nay được bổ nhiệm vào hạng chức danh nghề nghiệp giáo viên trung học phổ thông quy định tại Thông tư này như sau:
 - a) Bổ nhiệm vào chức danh nghề nghiệp giáo viên trung học phổ thông hạng III mã số do Bộ Nội vụ cấp đối với viên chức hiện đang giữ chức danh nghề nghiệp giáo viên trung học phổ thông hạng III, mã số V.07.05.15;

b) Bổ nhiệm vào chức danh nghề nghiệp giáo viên trung học phổ thông hạng II mã số do Bộ Nội vụ cấp đối với viên chức hiện đang giữ chức danh nghề nghiệp giáo viên trung học phổ thông hạng II, mã số V.07.05.14;

c) Bổ nhiệm vào chức danh nghề nghiệp giáo viên trung học phổ thông hạng I mã số do Bộ Nội vụ cấp đối với viên chức hiện đang giữ chức danh nghề nghiệp giáo viên trung học phổ thông hạng I, mã số V.07.05.13.

2. Giáo viên mới được tuyển dụng, sau khi hết thời gian tập sự theo quy định và được người đứng đầu đơn vị sự nghiệp công lập đánh giá đạt yêu cầu thì được bổ nhiệm vào đúng hạng chức danh nghề nghiệp đã trúng tuyển.

Điều 8. Cách xếp lương đối với giáo viên trung học phổ thông

1. Các chức danh nghề nghiệp giáo viên trung học phổ thông quy định tại Thông tư này được áp dụng bảng lương chuyên môn, nghiệp vụ đối với cán bộ, viên chức trong các đơn vị sự nghiệp của Nhà nước (Bảng 3) ban hành kèm theo Nghị định số 204/2004/NĐ-CP ngày 14 tháng 12 năm 2004 của Chính phủ về chế độ tiền lương đối với cán bộ, công chức, viên chức và lực lượng vũ trang như sau:

a) Chức danh nghề nghiệp giáo viên trung học phổ thông hạng III được áp dụng hệ số lương của viên chức loại A1 (từ hệ số lương 2,34 đến hệ số lương 4,98);

b) Chức danh nghề nghiệp giáo viên trung học phổ thông hạng II được áp dụng hệ số lương của viên chức loại A2, nhóm A2.2 (từ hệ số lương 4,0 đến hệ số lương 6,38);

c) Chức danh nghề nghiệp giáo viên trung học phổ thông hạng I được áp dụng hệ số lương của viên chức loại A2, nhóm A2.1 (từ hệ số lương 4,40 đến hệ số lương 6,78).

2. Việc xếp lương khi bổ nhiệm vào hạng chức danh nghề nghiệp và khi thăng hạng thực hiện theo quy định tại khoản 1 Điều này và các quy định hiện hành của pháp luật về hướng dẫn xếp lương khi nâng ngạch, chuyển ngạch, chuyển loại viên chức. Khi thực hiện chính sách tiền lương mới, việc xếp sang lương mới thực hiện theo quy định của Chính phủ.

Chương IV

ĐIỀU KHOẢN THI HÀNH

Điều 9. Điều khoản áp dụng

1. Việc quy đổi tương đương về trình độ ngoại ngữ, tin học đối với các chức danh nghề nghiệp giáo viên trung học phổ thông như sau:

a) Những trường hợp được xác định là đủ điều kiện về trình độ ngoại ngữ hoặc không yêu cầu trình độ ngoại ngữ theo yêu cầu của tiêu chuẩn chức danh nghề nghiệp bao gồm: giáo viên có tuổi đời từ đủ 55 tuổi trở lên đối với nam, 50 tuổi trở lên đối với nữ tính đến ngày 31/12 của năm được bổ nhiệm vào hạng chức danh nghề nghiệp; giáo viên đang công tác tại vùng dân tộc thiểu số là người dân tộc thiểu số hoặc có chứng chỉ tiếng dân tộc thiểu số được cơ sở đào tạo cấp theo thẩm quyền; giáo viên đang công tác tại trường phổ thông dân tộc bán trú, trường phổ thông dân tộc nội trú có chứng chỉ tiếng dân tộc thiểu số được cơ sở đào tạo cấp theo thẩm quyền; giáo viên đang công tác tại các trường chuyên biệt có sử dụng ngôn ngữ kí hiệu, chữ nổi Braille giảng dạy cho người khuyết tật; giáo viên có bằng tốt nghiệp từ Thạc sĩ trở lên (đối với hạng I); có bằng tốt nghiệp từ Đại học trở lên (đối với hạng II, hạng III) chuyên ngành ngoại ngữ hoặc có bằng tốt nghiệp từ Thạc sĩ trở lên (đối với hạng I); có bằng tốt nghiệp từ Đại học trở lên (đối với hạng II,

hạng III) trở lên các chuyên ngành khác nhưng học tập tại nước ngoài hoặc học bằng tiếng nước ngoài ở Việt Nam, được cơ quan có thẩm quyền công nhận.

b) Những trường hợp được xác định là đủ điều kiện về trình độ tin học hoặc không yêu cầu trình độ tin học theo yêu cầu của tiêu chuẩn chức danh nghề nghiệp bao gồm: giáo viên có bằng tốt nghiệp từ trung cấp trở lên các chuyên ngành liên quan đến Tin học hoặc Công nghệ thông tin; giáo viên có bằng tốt nghiệp cao đẳng, đại học ngành ghép 02 môn có môn tin như: Toán - Tin, Lí - Tin;

c) Việc quy đổi tương đương giữa các chứng chỉ ngoại ngữ khác với chứng chỉ ngoại ngữ theo khung năng lực ngoại ngữ 6 bậc dành cho Việt Nam; việc quy đổi tương đương giữa các chứng chỉ tin học khác với chứng chỉ tin học đạt chuẩn ứng dụng công nghệ thông tin cơ bản thực hiện theo hướng dẫn của Bộ Giáo dục và Đào tạo, Bộ Thông tin và Truyền thông (nếu có);

d) Việc chấp nhận và sử dụng chứng chỉ/chứng nhận nào để xác định trình độ ngoại ngữ, tin học của giáo viên trung học phổ thông hạng III, hạng II, hạng I và việc quy đổi liên thông giữa các chứng chỉ ngoại ngữ, tin học ngữ được thực hiện theo quy định hiện hành và hướng dẫn của Bộ Giáo dục và Đào tạo.

3. Giáo viên đã có chứng chỉ bồi dưỡng theo tiêu chuẩn chức danh nghề nghiệp giáo viên trung học phổ thông tại Thông tư liên tịch số 23/2015/TTLT-BGDĐT-BNV được công nhận là có chứng chỉ bồi dưỡng theo tiêu chuẩn chức danh nghề nghiệp giáo viên trung học phổ thông của hạng tương ứng tại Thông tư này. Chứng chỉ bồi dưỡng giáo viên trung học phổ thông hạng III quy định tại điểm d khoản 2 Điều 3 áp dụng đối với viên chức được tuyển dụng sau ngày Thông tư này có hiệu lực thi hành.

Điều 10. Tổ chức thực hiện

1. Thông tư này là căn cứ xác định vị trí việc làm, cơ cấu giáo viên và thực hiện việc tuyển dụng, sử dụng và quản lý đội ngũ viên chức giáo viên trung học phổ thông trong các trường trung học phổ thông công lập thuộc hệ thống giáo dục quốc dân.

2. Người đứng đầu các trường trung học phổ thông công lập trực tiếp quản lý, sử dụng viên chức có trách nhiệm:

a) Rà soát Đề án vị trí việc làm của đơn vị, lập phương án bổ nhiệm chức danh nghề nghiệp giáo viên trung học phổ thông tương ứng, trình cấp có thẩm quyền xem xét, quyết định hoặc quyết định theo thẩm quyền phân cấp;

b) Báo cáo cơ quan quản lý có thẩm quyền theo quy định kết quả bổ nhiệm và xếp lương với giáo viên trung học phổ thông;

c) Xây dựng kế hoạch đào tạo, bồi dưỡng giáo viên trung học phổ thông; tạo điều kiện để giáo viên trung học phổ thông được đào tạo, bồi dưỡng đáp ứng tiêu chuẩn chức danh nghề nghiệp theo quy định của pháp luật.

3. Các Bộ, cơ quan ngang Bộ, cơ quan thuộc Chính phủ, Ủy ban nhân dân tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương có trách nhiệm:

a) Phê duyệt phương án bổ nhiệm chức danh nghề nghiệp và xếp lương đối với giáo viên trung học phổ thông trong các trường trung học phổ thông công lập thuộc phạm vi quản lý; giải quyết theo thẩm quyền những vướng mắc trong quá trình bổ nhiệm chức danh nghề nghiệp và xếp lương;

b) Quyết định hoặc phân cấp việc bổ nhiệm vào hạng chức danh nghề nghiệp và xếp lương đối với giáo viên trung học phổ thông trong các trường trung học phổ thông công lập theo thẩm quyền;

c) Báo cáo kết quả bổ nhiệm chức danh nghề nghiệp và xếp lương đối với viên chức là giáo viên trung học phổ thông trong các trường trung học phổ thông công lập thuộc phạm vi quản lý về Bộ Giáo dục và Đào tạo.

Điều 11. Hiệu lực thi hành và trách nhiệm thi hành

1. Thông tư này có hiệu lực thi hành kể từ ngày tháng năm 2020.

2. Thông tư này thay thế Thông tư liên tịch số 23/2015/TTLT-BGDĐT-BNV.

3. Chánh Văn phòng, Cục trưởng Cục Nhà giáo và Cán bộ quản lý giáo dục, Vụ trưởng Vụ Tổ chức cán bộ; thủ trưởng các đơn vị có liên quan thuộc Bộ Giáo dục và Đào tạo; Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương; Giám đốc các Sở Giáo dục và Đào tạo; cơ quan, tổ chức và cá nhân liên quan có trách nhiệm thực hiện Thông tư này./.

Nơi nhận:

- Văn phòng Trung ương Đảng;
- Văn phòng Tổng Bí thư;
- Văn phòng Chủ tịch nước;
- Văn phòng Quốc hội;
- Ủy ban VHGDĐTNNĐ của Quốc hội;
- Ban Tuyên giáo Trung ương;
- Bộ trưởng;
- Cục Kiểm tra VBQPPL (Bộ Tư pháp);
- Các Bộ, cơ quan ngang Bộ, cơ quan thuộc Chính phủ;
- HĐND, UBND các tỉnh, thành phố trực thuộc TƯ;
- Các sở Giáo dục và Đào tạo;
- Công báo;
- Cổng TTĐT của Chính phủ;
- Cổng TTĐT của Bộ Giáo dục và Đào tạo;
- Lưu: VT, Vụ PC, Cục NGCBQLGD (10 bản).

**KT. BỘ TRƯỞNG
THỨ TRƯỞNG**

Phạm Ngọc Thuởng